

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 37/2017/ HNGĐ - ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2017
V/v : ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đoàn Thị Duyên - Thường trực Hội luật gia huyện Kiến Xương .

+ Bà Nguyễn Thị Như Trang - Chuyên viên Phòng TNMT huyện Kiến Xương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2017/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐXX - ST ngày 20/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đàm Thị U**, sinh năm 1986; địa chỉ nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn D**- sinh năm 1986, địa chỉ nơi cư trú: thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Anh vắng mặt không có lý do.

- *Người làm chứng:* Ông **Lê Văn D1** - là bố đẻ anh Lê Văn D, địa chỉ nơi cư trú: thôn Mộ Đạo 2, xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Ông D1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đàm Thị U trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị U và anh Lê Văn D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình ngày 16/12/2010. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với nhau ở nhà bố mẹ chị ở thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình đã có 01 con chung. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không chịu khó làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Anh D đã tự tay viết giấy xin lỗi chị và bố mẹ chị đề cho anh D cơ hội làm lại từ đầu nhưng anh D không thay đổi. Tháng 7/2014, chị đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, anh D ở nhà đi lái xe thuê. Tháng 9/2014, anh D bị tai nạn gãy chân và về nhà bố mẹ anh D ở thôn M, xã V, huyện K chữa bệnh. Sau khi anh D khỏi bệnh anh D vào Bình Dương làm kiếm hàng cho Công ty may mặc nhưng do không chịu được áp lực công việc nên anh D đã chuyển sang làm lái xe cho Công ty khác. Tháng 3/2017 chị hết hạn hợp đồng xuất khẩu và về nước. Trước khi về chị đã điện thoại cho anh D đến sân bay đón chị nhưng anh D không đến. Khi về Việt Nam chị nghe bạn bè chị và anh D nói là anh D hiện đang sống với người phụ nữ tên Hà quê Thanh Hóa và cung cấp cho chị địa chỉ nơi anh D đang ở. Chị đã đến tận nơi anh D thuê nhà trọ nhưng không gặp anh được D mà gặp người phụ nữ tên Hà, chị Hà đã thừa nhận với chị là đã có quan hệ với anh D. Chị đã gọi điện thoại cho anh D để yêu cầu anh D quay về quê vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng anh D không nghe điện thoại, chị tiếp tục tìm đến địa chỉ cũ của anh D nhưng đến nơi thì chủ nhà trọ nói anh D và người phụ nữ kia đã chuyển đi không biết địa chỉ cụ thể. Từ đó chị gọi điện thoại anh D không nghe máy và không quan tâm gì đến chị. thỉnh thoảng anh D có gọi điện thoại cho chị nhưng anh D cũng không cho chị biết hiện nay anh D đang sinh sống ở đâu. Nay chị U xác định anh D có quan hệ với người phụ nữ khác, đã bỏ mặc chị, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau và sống ly thân đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm, chị U yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh D để yên tâm làm ăn nuôi dạy con.

- Về quan hệ con chung: Chị Đàm Thị U và anh Lê Văn D có 01 con chung là Lê Đàm Kim Chi sinh ngày 11/8/2011, hiện do chị U nuôi dưỡng. Chị U trình bày hiện nay đang làm phiên dịch tiếng Trung cho công ty FPT chuyên sản xuất phun sơn đồ chơi có địa chỉ tại thôn Đ xã T, huyện T, thu nhập từ 6.000.000 - 8.000.000 đồng/tháng, ly hôn chị U xin nuôi con và không yêu cầu anh D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Đàm Thị U trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và cho vay nợ chung.

* *Bị đơn là anh Lê Văn D*: Vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không lấy được lời khai.

- Qua xác minh tại UBND và Công an xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình ngày 17/5/2017 cung cấp cho biết: Chị Đàm Thị U và anh Lê Văn D, tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V ngày 16/12/2010. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị U và anh D, chung sống với nhau cùng với bố mẹ chị U ở huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi chị U đi xuất khẩu lao động thì anh D, bị tai nạn gãy cả hai chân phải nằm điều trị ở nhiều bệnh viện và sau đó thì về gia đình ông D1 là bố đẻ anh D ở thôn M, xã V, huyện K để chữa bệnh. Khi anh D bị tai nạn điều trị hết rất nhiều tiền nhưng chị U không hề gửi tiền về hỗ trợ gia đình ông D1 chăm sóc anh D. Sau khi khỏi bệnh thì anh D vào Bình Dương chỗ người nhà chị U chơi và được người nhà chị U xin việc làm ở Bình Dương, còn cụ thể là công việc gì và địa chỉ ở đâu thì địa phương cũng không nắm được. Khoảng cuối năm 2016 anh D có về nhà ông D1 chơi một vài ngày rồi lại đi. Anh D và gia đình ông D1 đều đang cư trú tại thôn M, xã V. Anh D không thuộc diện phải khai báo tạm vắng nên không làm thủ tục khai báo tạm vắng tại Công an xã V. Hiện nay anh D vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và cũng chưa làm thủ tục thay đổi nơi cư trú theo quy định của Luật cư trú tại Công an xã V. Nay chị U xin ly hôn anh D, quan điểm của gia đình địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Theo người làm chứng là ông Lê Văn D1 sinh năm 1950, trú tại: thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (là bố anh Lê Văn D) cho biết: Anh D và chị U kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị U cho rằng anh D ngoài tiền lương chính còn có thu nhập thêm mà anh D chỉ đưa cho chị lương chính. Tháng 7/2014 chị U đi xuất khẩu lao động thì tháng 9/2014 anh D bị tai nạn gãy cả hai chân phải nằm điều trị ở nhiều bệnh viện và sau đó thì về gia đình ông ở thôn M, xã V, huyện K để chữa bệnh. Mặc dù anh D bị tai nạn điều trị hết rất nhiều tiền nhưng chị U không hề gọi điện thoại cũng như không gửi tiền về hỗ trợ gia đình ông chăm sóc anh D. Sau khi khỏi bệnh thì chị M là chị gái chị U gọi điện rủ anh D vào Bình Dương chơi và xin việc cho anh D, còn cụ thể là công việc gì và địa chỉ ở đâu thì gia đình ông cũng không nắm được. Tháng 11/2016 anh D có về gia đình ông chơi một vài ngày rồi lại đi. Anh D và gia đình ông vẫn thường xuyên liên lạc trao đổi thông tin với nhau qua điện thoại nhưng anh D cũng không nói cho gia đình ông biết cụ thể hiện nay anh D đang làm nghề gì và làm ở đâu. Nay chị U xin ly hôn, quan điểm

của gia đình ông là mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi con nhưng nếu chị U kiên quyết xin ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giao con Lê Đàm Kim Chi cho anh D nuôi và gia đình ông sẽ có trách nhiệm hỗ trợ giúp anh D nuôi con. Gia đình ông không có ý kiến gì đối với số tiền mà gia đình đã bỏ ra để chữa bệnh cho anh D. Vợ chồng anh D có tài sản chung hay không thì ông không biết nhưng vợ chồng anh D không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án; bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ do chị U cung cấp; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Lê Văn D1 để ông D1 giao và thông tin ngay cho anh D. Ông D1 đã nhận các văn bản tố tụng nêu trên của Tòa án và cam kết thông tin lại ngay nội dung các văn bản trên cho anh D. Sau khi gia đình ông thông tin về việc Tòa án báo anh D đến trụ sở để giải quyết việc chị U xin ly hôn nhưng anh D nói lại với gia đình ông là do ốm đau không thể về Tòa án được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo trình tự của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng không những tự tước bỏ quyền, nghĩa vụ của mình mà còn thể hiện không có ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị U được ly hôn anh D.

Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: giao con chung Lê Đàm Kim Chi cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị U không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị U trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung. Anh D chưa có lời khai tại Tòa án, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị U phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn là chị U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 17/7/2017; bị đơn là anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, hiện không có mặt tại địa phương, nhưng vẫn liên hệ và vẫn về thăm gia đình nhưng không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng; xác minh tại UBND và Công an xã V để làm rõ tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị U và anh D là hợp pháp. Vợ chồng chị U và anh D mâu thuẫn là do vợ chồng sống cách xa nhau về địa lý, khi chị U đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài thì anh D bị tai nạn phải về quê điều trị, chị U không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc và động viên anh D nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, dẫn đến anh D không còn tình cảm với chị U. Ngay khi chị U về nước anh D cũng không muốn gặp chị U, không cho chị U biết địa chỉ hiện nay anh D đang sinh sống. Chị U gọi điện thoại anh D không nghe máy. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị U và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị U được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị U và anh D có 01 con chung là Lê Đàm Kim Chi sinh ngày 11/8/2011, hiện đang do chị U nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại anh D không có mặt tại địa phương và cố tình giấu địa chỉ, nên cần chấp nhận việc chị U xin nuôi con chung và không yêu cầu anh D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị U trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung. Anh D chưa có lời khai tại Tòa án, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Đàm Thị U và anh Lê Văn D.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Lê Đàm Kim Chi sinh ngày 11/8/2011 cho chị Đàm Thị U trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đàm Thị U không yêu cầu anh Lê Văn D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. *Về tài sản*: không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Đàm Thị U phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000676 ngày 21/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình, như vậy chị Đàm Thị U đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiến Xương, ngày 26 tháng 7 năm 2017.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Chị **Đàm Thị U** - sinh năm 1986; Nơi cư trú: thôn Đồng Hòa, xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

2 - Bị đơn: Anh **Lê Văn D** - sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT: thôn Mộ Đạo 2, xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đoàn Thị Duyên - Thường trực Hội luật gia huyện Kiến Xương.

+ Bà Nguyễn Thị Như Trang - Chuyên viên Phòng TNMT huyện Kiến Xương.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Áp dụng: các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân:

- Cho ly hôn giữa chị Đàm Thị U và anh Lê Văn Dũng.
- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Lê Đàm Kim Chi sinh ngày 11/8/2011 cho chị Đàm Thị U trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đàm Thị U không yêu cầu anh Lê Văn D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn D có quyền thăm nom con chung;

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí: Chị Đàm Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000676 ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Đàm Thị U đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật;

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Biên bản lập xong, các thành viên HĐXX đã đọc lại và nhất trí ký tên dưới đây

Hội thẩm nhân dân
toà

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiến Xương, ngày 10 tháng 7 năm 2017.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Chị **Đàm Thị U** - sinh năm 1986; Nơi cư trú: thôn Đồng Hòa, xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

2 - Bị đơn: Anh **Lê Văn D** - sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT: thôn Mộ Đạo 2, xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đoàn Thị Duyên - Thường trực Hội luật gia huyện Kiến Xương.

+ Bà Nguyễn Thị Như Trang - Chuyên viên Phòng TNMT huyện Kiến Xương.

Đã tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 75/2017/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐXX – HNGĐ ngày 20/6/2017.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không lý do.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 75/2017/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đàm Thị U**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn Đồng Hòa, xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh **Lê Văn Dũng**, sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn Mộ Đạo 2, xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3

2. Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên tòa dân sự sẽ được mở lại vào hồi: 08 giờ 00 phU ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, địa chỉ: khu Quang Trung, thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa